

TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG PHÁP LẶP LẠI NGẮT QUĂNG TRÊN NỀN TẢNG REMNOTE ĐẾN KHẢ NĂNG GHI NHỚ TỪ VỰNG TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

ĐẶNG THỊ CHUNG THỦY
Trường Đại học Tài chính – Marketing
(Phân hiệu Quảng Ngãi)

Nhận bài ngày 07/8/2026. Sửa chữa xong 20/8/2026. Duyệt đăng 24/8/2026.

Abstract

This study examines the effects of the spaced repetition system (SRS) implemented through RemNote on the retention of English for specific purposes (ESP) vocabulary among non-English-major students at the University of Finance – Marketing. It investigates whether digital flashcards incorporating spaced repetition improve vocabulary retention compared with traditional learning methods. The findings from a mixed-methods study indicate that students using RemNote achieved higher vocabulary retention scores and retained their knowledge more effectively over time. Participants also responded positively to RemNote, particularly its structured note-taking system and automatic flashcard-generation features. Overall, integrating concept mapping with spaced repetition can effectively support ESP vocabulary learning. These findings may assist lecturers and curriculum designers in integrating educational technology more effectively into language instruction for non-English-major students.

Keywords: English for specific purposes (ESP), non-English-major students, RemNote, spaced repetition, vocabulary retention.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số trong giáo dục đại học, trình độ tiếng Anh, đặc biệt là vốn từ vựng chuyên ngành đã trở thành một yếu tố vô cùng cần thiết đối với sinh viên (SV) không chuyên ngữ nói chung và SV thuộc các ngành kế toán, tài chính, marketing, quản trị kinh doanh và các ngành liên quan khác của Trường Đại học Tài chính – Marketing nói riêng trong việc tiếp cận tài liệu học thuật, nâng cao năng lực nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước. Tuy nhiên, phần lớn các em SV gặp nhiều thách thức trong việc ghi nhớ và duy trì vốn từ vựng chuyên ngành vì tính trừu tượng của tệp từ vựng này, SV lại không sử dụng thường xuyên và dễ bị lãng quên do chưa có phương pháp ôn tập một cách khoa học.

Về phương diện tâm lý học nhận thức, hiện tượng quên diễn ra theo quy luật tự nhiên và có thể được hạn chế nếu có sự ôn tập hợp lý và đúng thời điểm. Chính vì điều này, phương pháp lặp lại ngắt quãng (Spaced Repetition) được đưa ra nhằm tối ưu hóa khoảng thời gian giữa các lần ôn tập, giúp củng cố trí nhớ dài hạn và nâng cao hiệu quả ghi nhớ. Mặc dù đã có nhiều nền tảng học tập tích hợp vào quá trình học từ vựng nhưng RemNote là một công cụ đặc biệt nổi bật. RemNote kết hợp giữa kỹ thuật ghi chú liên kết (networked note-taking), thẻ ghi nhớ (flashcards) và thuật toán lặp lại ngắt quãng. Điều này cho phép người học chủ động xây dựng hệ thống kiến thức và sắp xếp lịch ôn tập phù hợp với mức độ ghi nhớ của từng cá nhân.

Mặc dù hiệu quả của phương pháp lặp lại ngắt quãng đã được chứng minh trong nhiều nghiên cứu quốc tế đối với việc học ngoại ngữ, phần lớn các nghiên cứu tập trung vào từ vựng tiếng Anh nói chung hoặc được thực hiện trên các nền tảng như Anki, Quizlet hay SuperMemo. Trong khi đó, các nghiên cứu

Email: dangthichungthuy@ufm.edu.vn

đánh giá hiệu quả của nền tảng RemNote đối với việc ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của SV không chuyên ngữ tại Việt Nam còn tương đối hạn chế. Đặc biệt, chưa có nhiều bằng chứng thực nghiệm về việc ứng dụng RemNote trong bối cảnh đào tạo tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết “Tác động của phương pháp lặp lại ngắt quãng trên nền tảng RemNote đối với khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing” được thực hiện nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc ứng dụng phương pháp lặp lại ngắt quãng trên nền tảng RemNote đến khả năng ghi nhớ từ vựng chuyên ngành của sinh viên. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung bằng chứng thực nghiệm về hiệu quả của phương pháp lặp lại ngắt quãng trong dạy và học Tiếng Anh chuyên ngành mà còn cung cấp cơ sở khoa học cho việc ứng dụng các nền tảng học tập số nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và tự học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục đại học.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (mixed-methods research), kết hợp định lượng và định tính theo Creswell và Plano Clark (2018), nhằm đánh giá hiệu quả của RemNote ứng dụng phương pháp lặp lại ngắt quãng (Spaced Repetition) trong việc cải thiện khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành.

Công cụ nghiên cứu chính là bài kiểm tra từ vựng kết hợp với bảng khảo sát trực tuyến dành cho SV tham gia nghiên cứu nhằm thu thập thông tin về đặc điểm học tập của SV, kết quả bài kiểm tra từ vựng trước và sau thực nghiệm, các câu hỏi Likert 5 bậc đánh giá tính hữu ích, mức độ dễ sử dụng và hiệu quả của RemNote, cùng câu hỏi mở về trải nghiệm, khó khăn và đề xuất cải thiện. Dữ liệu định lượng từ bài kiểm tra và khảo sát được kết hợp với phản hồi định tính của SV nhằm đánh giá toàn diện hiệu quả của Spaced Repetition trên RemNote đối với khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của SV không chuyên ngữ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu gồm 60 SV không chuyên ngữ đang học Tiếng Anh tại Trường Đại học Tài chính – Marketing. Các SV tham gia nghiên cứu thuộc các ngành đào tạo khác nhau ngoài chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, nhằm phản ánh đặc điểm của nhóm người học Tiếng Anh chuyên ngành như một ngoại ngữ trong môi trường đại học. 60 SV này sử dụng RemNote để học từ vựng theo phương pháp lặp lại ngắt quãng (Spaced Repetition).

2.3. Phân tích dữ liệu

Phân tích dữ liệu kết hợp định lượng và định tính để đảm bảo tính toàn diện Creswell và Plano Clark (2018). Phần định lượng sử dụng phần mềm Excel hoặc SPSS để tính trung bình thang Likert (ví dụ 60% SV bày tỏ nguyện vọng cần thêm hướng dẫn chi tiết trong sử dụng ứng dụng để thao tác hiệu quả hơn, tần suất (ví dụ 50% chọn việc tạo flashcards trên RemNote mất nhiều thời gian), và phân tích thống kê mô tả để xác định xu hướng (như hiệu quả của RemNote cao hơn phương pháp truyền thống).

3. Cơ sở lý luận, tổng quan và kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận và tổng quan

3.1.1. Đặc điểm và thách thức của các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành

Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes – ESP) là loại hình ngôn ngữ được sử dụng trong các lĩnh vực chuyên môn. Khác với tiếng Anh tổng quát (General English), tài liệu tiếng Anh chuyên ngành được xây dựng nhằm phục vụ mục đích học thuật và nghề nghiệp, do đó có những đặc điểm riêng về từ vựng, cấu trúc ngôn ngữ và nội dung chuyên môn. Việc tiếp cận và lĩnh hội các tài liệu này đòi hỏi người học không chỉ có năng lực ngoại ngữ mà còn cần có kiến thức nền tảng về lĩnh vực chuyên môn.

Các nghiên cứu trước đây bởi Hutchinson và Waters (1987) cho rằng tiếng Anh chuyên ngành (ESP)

được xây dựng trên nhu cầu học tập và nghề nghiệp của người học, trong đó các thuật ngữ chuyên ngành góp phần quan trọng trong việc giúp người học tiếp cận kiến thức chuyên môn. Dudley-Evans và St. John (1998) cũng khẳng định từ vựng chuyên ngành mang tính đặc thù và gắn với diễn ngôn của từng lĩnh vực nên cần được lĩnh hội trong ngữ cảnh chuyên môn. Nghiên cứu của Nation (2013) và Schmitt (2008) cũng chỉ rõ người học chỉ đạt được việc ghi nhớ từ vựng khi được tiếp cận và ôn tập nhiều trong các ngữ cảnh khác nhau. Về mặt tâm lý học nhận thức, Murre (2015) phát hiện rằng trí nhớ có xu hướng suy giảm theo thời gian nếu người học không ôn tập hoặc củng cố kiến thức thường xuyên. Trong khi đó, Cepeda và cộng sự (2006) đã chứng minh phương pháp lặp lại ngắt quãng có thể giúp cải thiện đáng kể khả năng ghi nhớ dài hạn.

Tại Việt Nam, nghiên cứu của Lâm Thị Hòa Bình (2014) cũng xác định từ vựng chuyên ngành được phân loại thành thuật ngữ chuyên môn, từ vựng học thuật và từ bán chuyên ngành; việc phân loại này giúp nâng cao hiệu quả trong thiết kế chương trình giảng dạy và học tập. Bài viết của Nguyễn Văn Anh (2024) nhấn mạnh sự cần thiết khi người học nắm bắt được cả nghĩa, sự kết hợp lẫn cách sử dụng từ trong ngữ cảnh chuyên môn, đồng thời cần gắn việc giảng dạy từ vựng với các tình huống thực tế thay vì học thuộc lòng các từ đơn lẻ. Bên cạnh đó, Nguyễn Thị Dịu (2025) cũng làm rõ những khó khăn của SV Việt Nam trong việc ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành như do khối lượng thuật ngữ lớn, ít cơ hội sử dụng và chưa tìm được phương pháp phù hợp. Nguyễn Thị Dịu (2025) đồng thời cũng đề xuất việc tăng cường ứng dụng công nghệ và các phương pháp ôn tập khoa học nhằm nâng cao hiệu quả ghi nhớ và vận dụng từ vựng.

Tại Trường Đại học Tài chính – Marketing, sinh viên không chuyên ngữ thường xuyên gặp phải nhiều thách thức như số lượng thuật ngữ chuyên ngành quá lớn trong khi thời lượng học trên lớp còn hạn chế; nhiều thuật ngữ không xuất hiện phổ biến trong giao tiếp hàng ngày, dẫn đến hiện tượng nhanh quên nếu không được ôn tập định kỳ; phương pháp truyền thống chủ yếu tập trung vào việc ghi chép và học thuộc lòng gây ảnh hưởng đến quá trình ghi nhớ vì thiếu cơ chế củng cố trí nhớ dài hạn. Thêm vào đó, các em cũng thường gặp khó khăn trong kết nối từ vựng với ngữ cảnh sử dụng thực tế, điều này ít nhiều làm giảm khả năng vận dụng vào việc đọc hiểu tài liệu chuyên ngành.

3.1.2. Phương pháp lặp lại ngắt quãng

Phương pháp lặp lại ngắt quãng (Spaced Repetition) được định nghĩa là chiến lược học tập dựa trên việc phân bổ các lần ôn tập theo khoảng thời gian phù hợp nhằm củng cố kiến thức cho người học. Phương pháp này đã được sự quan tâm lớn bởi nhiều nhà nghiên cứu, như Cepeda và cộng sự (2006) chứng minh rằng việc ôn tập phân tán theo thời gian mang lại hiệu quả hơn học dồn, còn Dunlosky và các cộng sự (2013) đã xem phương pháp lặp lại ngắt quãng (Spaced Repetition) như một chiến lược học tập có hiệu quả cao. Kang (2016) thì khẳng định sẽ hiệu quả hơn nếu kết hợp với nhớ chủ động (Active Recall) khi học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành (ESP) vì đây là tệp thuật ngữ có số lượng lớn và dễ bị quên nếu không được ôn tập thường xuyên. Hiện nay, Spaced Repetition được tích hợp vào các nền tảng như *Anki*, *SuperMemo* và *RemNote*, đặc biệt là *RemNote* có kết hợp flashcards, ghi chú liên kết và gợi nhớ chủ động, đồng thời tự động điều chỉnh lịch ôn tập theo mức độ ghi nhớ của người học.

Việc ứng dụng *RemNote* đối với SV các khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Tài chính – Marketing được kì vọng sẽ mang đến hiệu quả trong hỗ trợ ghi nhớ các thuật ngữ tài chính, kế toán, marketing, quản trị kinh doanh,... đồng thời sẽ giúp nâng cao khả năng vận dụng từ vựng học tập và đọc hiểu tài liệu chuyên ngành. Nghiên cứu này cũng góp phần làm cơ sở cho việc ứng dụng công nghệ số vào việc học Tiếng Anh chuyên ngành.

3.1.3. Vai trò của nền tảng học tập số và RemNote trong giảng dạy từ vựng Tiếng Anh chuyên ngành

Việc tích hợp các công cụ học tập số (Digital Learning) đã tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho người học, giúp họ tiếp cận học liệu một cách linh hoạt, chủ động và cá nhân hóa quá trình học tập. Theo Hrastinski (2009), các nền tảng trực tuyến góp phần tăng tương tác và tạo điều kiện học tập linh hoạt hơn. Ngoài ra, Sung, Chang và Liu (2016) khẳng định việc sử dụng các thiết bị di động có tác động tích

cực đến việc học ngoại ngữ. Những ứng dụng hỗ trợ học từ vựng thường gặp như Quizlet, Kahoot, Memrise và Anki giúp thiết kế các trò chơi, bài kiểm tra về từ vựng, nhưng phần lớn chưa có tính tổ chức và kết nối hệ thống tri thức.

Chính vì lẽ đó, việc ứng dụng RemNote, một nền tảng học tập trên không gian số vừa kết hợp việc ghi chú vừa quản lý kiến thức và flashcards dựa trên phương pháp lặp lại ngắt quãng (Spaced Repetition) đồng thời kết hợp với nhớ chủ động (Active Recall) là rất hữu ích cho người học. RemNote cho phép người dùng xây dựng mạng lưới kiến thức thông qua liên kết các khái niệm, sử dụng nhiều hình thức học tập và tự động điều chỉnh lịch ôn tập theo mức độ ghi nhớ. RemNote không chỉ hỗ trợ ghi nhớ từ vựng mà còn giúp người học hiểu và kết nối tri thức một cách có hệ thống. Tuy nhiên, tại Việt Nam, nghiên cứu về RemNote trong học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành, đặc biệt đối với SV không chuyên ngữ vẫn còn rất hạn chế. Vì vậy, việc nghiên cứu hiệu quả của RemNote có ý nghĩa trong việc bổ sung bằng chứng thực nghiệm và khai thác tiềm năng của công nghệ số trong học Tiếng Anh chuyên ngành.

3.1.4. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù đã có sự quan tâm đến tiềm năng về phương pháp lặp lại ngắt quãng (Spaced Repetition) và ứng dụng công nghệ số trong học từ vựng ngoại ngữ, nhưng tại Việt Nam vẫn còn hạn chế các nghiên cứu đánh giá một cách hệ thống hiệu quả của Spaced Repetition trên nền tảng RemNote đối với việc ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của SV không chuyên ngữ. Các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào tiếng Anh tổng quát hoặc các nền tảng như Quizlet, Anki, trong khi sự kết hợp giữa spaced repetition, Active Recall và Linked Notes của RemNote chưa được khai thác đầy đủ. Bên cạnh đó, phần lớn nghiên cứu chưa tập trung vào SV khối ngành kinh tế, đặc biệt là SV không chuyên ngữ trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam. Do đó, nghiên cứu này nhằm bổ sung bằng chứng thực nghiệm về hiệu quả của RemNote trong ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành, đồng thời đề xuất hướng ứng dụng công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả học tập cho SV tại Trường Đại học Tài chính - Marketing.

3.2. Kết quả nghiên cứu

3.2.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Mẫu khảo sát gồm 60 SV không chuyên ngữ đang học Tiếng Anh tại Trường Đại học Tài chính - Marketing (UFM) ở tất cả các ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh, luật kinh tế thuộc nhóm thực nghiệm (Experimental Group) có sử dụng RemNote để học từ vựng theo phương pháp Spaced Repetition. Đặc điểm mẫu được tổng hợp trong bảng 1.

Bảng 1: Đặc điểm của mẫu được nghiên cứu (N = 60)

Đặc điểm	Phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	18	30%
	Nữ	42	70%
Học phần Tiếng Anh chuyên ngành (đã học)	Kế toán	10	16,7%
	Tài chính	8	13,3%
	Quản trị kinh doanh	28	46,75%
	Luật kinh tế	14	23,3%
Năm học	Năm thứ 3	26	43,4%
	Năm thứ 4	34	56,7%
Tần suất sử dụng ứng dụng học từ vựng RemNote	Thường xuyên	40	66,7%
	Thỉnh thoảng	20	33,3%

Kết quả cho thấy mẫu nghiên cứu gồm 60 SV, trong đó nữ chiếm 70% (42 SV) và nam 30% (18 SV). SV năm 4 chiếm 56,7%, năm 3 chiếm 43,4%, phù hợp với nhóm SV đang tập trung hoàn thành tiếng Anh chuyên ngành và chuẩn bị tốt nghiệp. Mẫu khảo sát thuộc 4 ngành: Quản trị kinh doanh (46,7%), Luật kinh tế (23,3%), Kế toán (16,7%) và Tài chính (13,3%), tạo điều kiện để đánh giá phương pháp trên

nhiều nhóm thuật ngữ chuyên ngành. Về mức độ sử dụng RemNote, 66,7% SV sử dụng thường xuyên và 33,3% sử dụng thỉnh thoảng, cho thấy mức độ tiếp nhận và chủ động tương đối tích cực đối với phương pháp Spaced Repetition.

3.2.2. Kết quả Pre-test và Post-test của nhóm sinh viên được khảo sát (N=60)

Bảng 2: Kết quả làm bài test trước và sau khi dùng RemNote (N = 60)

Số câu trả lời đúng	Pre-test (Số SV)	Tỷ lệ %	Post-test (Số SV)	Tỷ lệ %
0–9 câu đúng	2	3,3%	0	0%
10–14 câu đúng	19	31,7%	3	5%
15–19 câu đúng	28	46,7%	15	25%
20–24 câu đúng	10	16,7%	27	45%
25–30 câu đúng	1	1,7%	15	25%
Tổng cộng	60	100%	60	100%

Kết quả khảo sát 60 SV cho thấy khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của SV có sự cải thiện sau khi áp dụng phương pháp lặp lại ngắt quãng trên nền tảng RemNote. Ở bài Pre-test, phần lớn SV trả lời đúng từ 15-19 câu, chiếm 46,7%, trong khi chỉ có 1,7% SV đạt từ 25-30 câu đúng. Sau quá trình học tập bằng phương pháp lặp lại ngắt quãng, kết quả Post-test có sự thay đổi rõ rệt. Tỷ lệ SV đạt từ 20-24 câu đúng tăng lên 45%, và 25% SV đạt từ 25-30 câu đúng. Đáng chú ý, không còn SV nào đạt dưới 10 câu đúng ở Post-test. nhờ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của nhóm SV có xu hướng được cải thiện đáng kể.

3.2.3. Kết quả cho câu hỏi nghiên cứu: Nhận xét về khó khăn, các trải nghiệm của sinh viên và tính hữu ích của việc sử dụng RemNote.

a. Khó khăn chính của sinh viên khi sử dụng RemNote trong việc ghi nhớ từ vựng Tiếng Anh chuyên ngành

Bảng 3: Đánh giá của sinh viên khi dùng RemNote (N = 60)

Khó khăn	Tỷ lệ	Mức độ
1. Giao diện người dùng	36,6%	khá cao
2. Thời gian tạo Flashcards	50%	cao
3. Nhu cầu hướng dẫn	60%	rất cao
4. Duy trì thói quen ôn tập	53,3%	cao

Mặc dù phương pháp lặp lại ngắt quãng trên nền tảng RemNote mang lại nhiều tiềm năng rõ rệt trong việc cải thiện khả năng ghi nhớ từ vựng Tiếng Anh chuyên ngành, SV không chuyên ngữ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing vẫn gặp một số khó khăn khi sử dụng. 60% SV cần được hướng dẫn ban đầu, cho thấy RemNote có mức độ phức tạp cao hơn các ứng dụng flashcard truyền thống và cần có sự hỗ trợ, tập huấn khi bắt đầu. Bên cạnh đó, 53,3% gặp khó khăn trong việc duy trì thói quen ôn tập, do phương pháp đòi hỏi tính kỷ luật và thường xuyên; 50% cho rằng việc tự tạo và nhập thẻ từ vựng tốn thời gian. Trong khi đó, chỉ 36,6% gặp khó khăn với giao diện, cho thấy phần lớn SV có thể thích nghi với thao tác trên RemNote sau thời gian làm quen.

b. Trải nghiệm học tập với RemNote

Bảng 4: Đánh giá của sinh viên khi trải nghiệm học từ vựng với RemNote (N = 60)

Trải nghiệm của sinh viên	Tỷ lệ	Mức độ
1. Hứng thú hơn khi học từ vựng Tiếng Anh chuyên ngành	73,3%	rất cao
2. Chủ động và dễ dàng theo dõi tiến trình học tập trong học từ vựng Tiếng Anh chuyên ngành	70%	rất cao
3. Duy trì việc sử dụng RemNote thường xuyên để ôn tập kiến thức	76,6%	rất cao
4. Sẽ tiếp tục sử dụng RemNote khi học từ vựng Tiếng Anh chuyên ngành	86,7%	rất cao

Phần lớn SV thể hiện thái độ tích cực và mức độ hài lòng cao khi sử dụng RemNote. Cụ thể, 73,3% cảm thấy hứng thú hơn với việc học từ vựng, 70% cho rằng ứng dụng giúp hình thành thói quen tự học chủ động, 76,6% duy trì sử dụng thường xuyên để ôn tập và 86,7% mong muốn tiếp tục sử dụng

RemNote sau nghiên cứu. Từ kết quả trên cho thấy, RemNote có tầm ảnh hưởng quan trọng đến việc cải thiện khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành, giúp SV có động lực học tập cao và thiết lập thói quen học tập lâu dài. Điều này là cơ sở để các giảng viên và nhà quản lý giáo dục thiết kế, hoạch định các chính sách trong việc tích hợp một cách rộng rãi các giải pháp công nghệ hỗ trợ ghi nhớ vào lộ trình giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành trong tương lai.

c. Nhận thức về tính hiệu quả của việc sử dụng RemNote khi trải nghiệm học tập trên ứng dụng

Bảng 5: Đánh giá của sinh viên về tính hiệu quả khi sử dụng RemNote (N = 60)

Nhận định	Tỷ lệ	Mức độ
1. Hệ thống hóa từ vựng khoa học	86,7%	rất cao
2. Tính năng thẻ ghi nhớ (flashcards) hỗ trợ tốt	86,7%	rất cao
3. Thuận tiện khi theo dõi tiến độ học tập cá nhân	90%	rất cao
4. Tiết kiệm thời gian học tập mà vẫn đạt hiệu quả ghi nhớ.	80%	rất cao

Theo kết quả khảo sát cho thấy, việc ứng dụng RemNote thông qua phương pháp lặp lại ngắt quãng (Spaced Repetition) thực sự mang lại hiệu quả trong việc ôn tập và ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành. Tất cả các lợi ích được khảo sát đều trên 80% phản hồi tích cực, trong đó “*Thuận tiện khi theo dõi tiến độ học tập cá nhân*” được đánh giá cao nhất. Ngoài ra, 86,7% SV nhận thấy RemNote không những giúp “*hệ thống hóa từ vựng khoa học*” mà còn hỗ trợ rất tốt cho quá trình ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành thông qua tính năng thẻ ghi nhớ (flashcards). Những kết quả này cũng chứng minh rằng RemNote không chỉ cung cấp phương pháp ôn tập có hệ thống mà còn hỗ trợ SV quản lý lộ trình học tập và tối ưu hóa thời gian, khẳng định thêm tiềm năng ứng dụng mạnh mẽ của nền tảng này trong việc đổi mới phương pháp học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành cho SV khối ngành kinh tế – tài chính.

3.2.4. Kết quả cho câu hỏi mở: Rào cản, đề xuất và kiến nghị

a. Rào cản khi thực hiện

Bên cạnh những tác động tích cực về động lực và hiệu quả ghi nhớ, kết quả khảo sát cũng chỉ ra những Khó khăn và rào cản trải nghiệm mà SV không chuyên ngữ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing gặp phải khi tiếp cận nền tảng RemNote. Việc nhận diện rõ các rào cản này đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện các giải pháp hỗ trợ học tập trong thực tiễn. Thứ nhất, về mặt kỹ thuật và giao diện, tính năng đa dạng của RemNote tạo ra một “*độ dốc học tập*” (learning curve) nhất định, khi có nhiều SV gặp khó khăn trong việc làm quen với giao diện. Thứ hai, về áp lực thời gian chuẩn bị dữ liệu, một nửa SV đánh giá việc tự soạn thảo và khởi tạo thẻ ghi nhớ (flashcards) tốn khá nhiều thời gian, gây ảnh hưởng đến trải nghiệm tiếp cận ban đầu. Thêm nữa, nhiều SV bày tỏ mong muốn nhận được các tài liệu hoặc buổi hướng dẫn chi tiết hơn để tối ưu hóa các thao tác trên ứng dụng. Ngoài ra, phần lớn SV thừa nhận rằng việc duy trì tính kỷ luật để ôn tập định kỳ theo đúng thuật toán lặp lại ngắt quãng vẫn là một thử thách lớn.

b. Đề xuất kiến nghị từ sinh viên

Từ kết quả nghiên cứu về tác động tích cực của việc ứng dụng RemNote thông qua phương pháp lặp lại ngắt quãng (Spaced Repetition) trong việc học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành, nhóm SV tham gia trải nghiệm của Trường Đại học Tài chính – Marketing đã đưa ra các đề xuất giúp nâng cao hiệu quả học tập cho SV không chuyên ngữ của trường như sau:

Thứ nhất, mỗi học phần chuyên ngành nên có các bộ thẻ từ vựng mẫu (Pre-made decks) được tích hợp sẵn gồm hình ảnh minh họa và phát âm chuẩn do giảng viên bộ môn biên soạn và sau đó chia sẻ trực tiếp cho SV. Điều này sẽ giúp các em tiết kiệm thời gian khởi tạo dữ liệu ban đầu.

Thứ hai, về phía nhà trường và giảng viên, cần xây dựng các video bài giảng chi tiết hoặc tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn cho người mới bắt đầu ngay từ đầu học kỳ để giúp SV giảm áp lực về rào cản kỹ thuật, trong đó tập trung hướng dẫn về cách thao tác trên RemNote như cách tạo bộ thẻ ghi nhớ (flashcards), cài đặt lịch ôn tập tự động, v.vv...

Ngoài ra, về phía người học, cần chia nhỏ mục tiêu học tập theo từng ngày, đồng thời thiết lập tính năng thông báo (hoặc nhắc nhở) trên ứng dụng di động của RemNote để từng bước hình thành thói quen ôn tập tự giác và lâu dài.

4. Kết luận

Tóm lại, kết quả nghiên cứu đã chứng minh về hiệu quả vượt trội của phương pháp lặp lại ngắt quãng trên nền tảng RemNote trong lộ trình học tập và ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành đối với SV không chuyên ngữ của Trường Đại học Tài chính – Marketing. Điều này càng khẳng định rằng việc dạy và học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành chỉ dựa vào phương pháp truyền thống ghi chép – học thuộc không còn phù hợp nữa, mà phải kết hợp ứng dụng công nghệ thông minh nhằm tối ưu hóa khả năng ghi nhớ từ vựng bền vững. Ý nghĩa của nghiên cứu là tiền đề quan trọng trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành.

Nghiên cứu cũng cho thấy những khó khăn và thách thức mà SV không chuyên ngữ của Trường phải đối mặt khi sử dụng nền tảng RemNote. Một là, SV phải dành thời gian đáng kể để làm quen và tiếp cận với giao diện và các tính năng đa dạng của RemNote. Hai là, phần lớn SV phản ánh về áp lực thời gian trong việc chuẩn bị dữ liệu, trong đó có việc tự soạn thảo và khởi tạo thẻ ghi nhớ (flashcards). Thêm vào đó, nhiều SV mong muốn được tập huấn và hướng dẫn chi tiết để tối ưu hóa các cách thao tác trên ứng dụng. Đại bộ phận sinh viên cũng thừa nhận rằng việc tuân thủ kỉ luật ôn tập định kì là một thử thách lớn.

Nghiên cứu khẳng định tính khả thi và tiềm năng ứng dụng cao của phương pháp Lặp lại ngắt quãng trên nền tảng RemNote đối với SV không chuyên ngữ tại Trường Đại học Tài chính - Marketing. Song song với việc ứng dụng thành công RemNote thì điều cần thiết phải cung cấp được nguồn học liệu số chuẩn hóa (các bộ thẻ đồng bộ - flashcards), bố trí thời gian hướng dẫn chi tiết các cách thao tác kĩ thuật trên ứng dụng ngay từ đầu khóa học, đồng thời đơn giản hóa quy trình ghi chú cho SV bằng cách kết hợp với hình ảnh và âm thanh của từ vựng tiếng Anh chuyên ngành được học.

Tài liệu tham khảo

- Cepeda, N. J., Pashler, H., Vul, E., Wixted, J. T., & Rohrer, D. (2006). Distributed practice in verbal recall tasks: A review and quantitative synthesis. *Psychological Bulletin*, 132(3), 354-380. <https://doi.org/10.1037/0033-2909.132.3.354>.
- Creswell, J. W., & Plano Clark, V. L. (2018). *Designing and conducting mixed methods research* (3rd ed.). SAGE Publications.
- Dudley-Evans, T., & St John, M. J. (1998). *Developments in English for specific purposes: A multi-disciplinary approach*. Cambridge University Press.
- Dunlosky, J., Rawson, K. A., Marsh, E. J., Nathan, M. J., & Willingham, D. T. (2013). Improving students' learning with effective learning techniques: Promising directions from cognitive and educational psychology. *Psychological Science in the Public Interest*, 14(1), 4-58. <https://doi.org/10.1177/15291006124532>. Truy cập ngày 31/7/2026.
- Hrastinski, S. (2009). A theory of online learning as online participation. *Computers & Education*, 52(1), 78-82.
- Hutchinson, T., & Waters, A. (1987). *English for specific purposes: A learning-centred approach*. Cambridge University Press.
- Kang, S. H. K. (2016). Spaced repetition promotes efficient and effective learning: Policy implications for instruction. *Policy Insights from the Behavioral and Brain Sciences*, 3(1), 12-19. <https://doi.org/10.1177/2372732215624708>. Truy cập ngày 28/7/2026.
- Lâm Thị Hòa Bình (2014). Một số vấn đề liên quan đến nhóm từ vựng tiếng Anh chuyên ngành từ góc độ ngôn ngữ học khối liệu. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, 18-23.
- Murre, J. M. J., & Dros, J. (2015). Replication and analysis of Ebbinghaus' forgetting curve. *Plos one*, 10(7). <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0120644>.
- Nation, I. S. P. (2013). *Learning vocabulary in another language* (2nd ed.). Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/CBO9781139858656>.
- Nguyễn Thị Dịu (2025). Nâng cao chất lượng của việc học Tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 4 (208), 119-128.
- Nguyễn Văn Anh (2024). Nghiên cứu vai trò của từ vựng trong dạy học tiếng Anh chuyên ngành. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, 2(313), 96-99.
- Schmitt, N. (2008). Instructed second language vocabulary learning. *Language Teaching Research*, 12(3), 329-363. <https://doi.org/10.1177/1362168808089921>. Truy cập ngày 20/7/2026.
- Sung, Y.-T., Chang, K.-E., & Liu, T.-C. (2016). The effects of integrating mobile devices with teaching and learning on students' learning performance: A meta-analysis and research synthesis. *Computers & Education*, 94, 252-275.